

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
2**NGHỊ ĐỊNH**
Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 50.000 m³ trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập. Các nội dung quy định về an toàn đập hồ, chứa thủy điện gồm phân loại đập, hồ chứa, kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa, lưu trữ hồ sơ, quan trắc công trình, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, kiểm tra, báo cáo hiện trạng, kiểm định an toàn, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn, phương án bảo vệ, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thực hiện theo Luật Điện lực và Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước.
2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước, có nhiệm vụ chính là điều tiết dòng chảy, cắt, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, phát điện và cải thiện môi trường; bao gồm hồ chứa thủy lợi và hồ chứa thủy điện.
3. Công trình có liên quan là công trình xả nước, công trình lấy nước, tuyến năng lượng, công trình thông thuyền và công trình cho cá đi.
4. Đập, hồ chứa thủy lợi là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt kết hợp cắt, giảm lũ.
5. Đập, hồ chứa thủy điện là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là phát điện.
6. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu đối với đập, hồ chứa nước sử dụng vốn nhà nước; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng (đập, hồ chứa nước);
7. Chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc tổ chức được Nhà nước giao quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu; tổ chức thủy lợi cơ sở; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước thủy lợi.
8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* là tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi*.
9. Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.
10. Tình huống khẩn cấp là trường hợp mưa, lũ vượt tần suất thiết kế; động đất vượt tiêu chuẩn thiết kế trên lưu vực hồ chứa nước hoặc tác động khác gây mất an toàn cho đập.
11. Kiểm định an toàn đập là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa nước và các công trình có liên quan đến hồ chứa nước thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.
12. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống *được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập*, bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập, camera giám sát vận hành công trình, *thiết bị liên quan* và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế.
13. *Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập là thiết bị được thiết lập để thực hiện truyền thông tin vận hành của đập, hồ chứa nước gồm*

điện thoại cố định, di động, vệ tinh; máy tính; máy fax; thiết bị phát thanh; thiết bị truyền hình; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; thiết bị chuyên dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm và các thiết bị liên quan kèm theo.

14. Hiện đại hóa đập, hồ chứa nước là việc ứng dụng, trang bị thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác xây dựng, quản lý, vận hành công trình.

Điều 3. Phân loại đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc đập của hồ chứa *thủy lợi* quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

b) Hồ chứa *thủy lợi* có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên;

c) Hồ chứa *thủy lợi* có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập là thành phố, thị xã, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Đập, hồ chứa *thủy lợi* lớn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa *thủy lợi* quy định tại điểm c khoản này;

b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s;

c) Hồ chứa *thủy lợi* có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Đập, hồ chứa *thủy lợi* vừa thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa *thủy lợi* quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Hồ chứa *thủy lợi* có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³.

4. Đập, hồ chứa *thủy lợi* nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³.

5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quyết định danh mục đập, hồ chứa *thủy lợi* lớn, vừa, nhỏ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước.

2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước.

3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình.

Chương II

QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước

1. Thiết kế, thi công xây dựng *mới* đập, hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định sau:

a) Đầu tư xây dựng đập, hồ chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi, *Luật Điện lực*.

b) Việc bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập phải tạo thuận lợi cho công tác *tổ chức thi công*, quản lý vận hành an toàn đập, ứng cứu đập khi xảy ra sự cố và bảo trì, nâng cấp, sửa chữa khi công trình bị hư hỏng;

c) *Khi chặn dòng phải đảm bảo an toàn cho công trình, khu vực lòng hồ và vùng hạ du đập. Trước khi chặn dòng, chủ đầu tư phải tổ chức lập kế hoạch chặn dòng thi công vượt lũ cùng với hồ sơ thiết kế làm cơ sở tổ chức phòng chống thiên tai trong quá trình xây dựng công trình; lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng công trình, trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt;*

d) Quy trình vận hành cửa van phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bàn giao cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác; *quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.*

đ) Đối với cửa van của tràn xả lũ vận hành bằng điện phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn bằng máy phát điện dự phòng;

e) Bố trí thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước;

h) Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước;

i) Đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do, khuyến khích áp dụng quy định tại điểm g khoản này;

k) Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước;

l) *Đối với đập, hồ chứa nước xây dựng mới trên các sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.*

2. Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn *xây dựng mới*, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư còn phải thực hiện quy định sau đây:

a) Các công trình lấy nước, công trình tháo nước có đáy đặt sâu dưới đỉnh đập phải có chiều cao, chiều rộng thích hợp *hoặc phải đặt trong hành lang có chiều cao, chiều rộng thích hợp* để kiểm tra, sửa chữa công trình;

b) Xây dựng đường quản lý để ứng cứu đập trong tình huống khẩn cấp; xây dựng nhà điều hành phục vụ công tác quản lý, khai thác và trực ban phòng, chống thiên tai tại công trình.

3. Đối với đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ *xây dựng mới*, khuyến khích thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong quá trình thi công *xây dựng mới đập, hồ chứa nước*, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm *tổ chức* lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

5. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, phòng, chống thiên tai.

6. *Đối với các hồ chứa sửa chữa, nâng cấp, chủ đầu tư căn cứ quy mô, giải pháp sửa chữa nâng cấp để báo cáo người quyết định đầu tư quyết định việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 điều này.*

Điều 6. Nội dung phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công

1. Tóm tắt đặc điểm, tình hình xây dựng, các mốc tiến độ chặn dòng, vượt lũ, tiến độ thi công của đập, hồ chứa nước và các hạng mục công trình có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

2. Dự kiến tình huống mất an toàn đập, hồ chứa nước, vùng hạ du và giải pháp ứng phó.

3. Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công

1. Hồ sơ trình thẩm định

Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện *hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến* đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập *khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt*;

b) Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy lợi; Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt *hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt* phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn; phê duyệt phương án *thuộc địa bàn từng tỉnh* đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Điều 8. Kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước

Đập, hồ chứa nước phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 9. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa thủy lợi

Việc lập, lưu trữ hồ sơ công trình đập, hồ chứa *thủy lợi* được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng và các quy định sau:

1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi nghiệm thu đưa công trình vào khai thác.
2. Đập, hồ chứa nước đang khai thác mà chưa có lưu trữ hồ sơ công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ *hiện trạng* công trình.
3. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ *hoàn thành* công trình xây dựng và *hồ sơ liên quan đến quá trình quản lý, vận hành*.
4. Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn và vừa, phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử và cập nhật vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước. *Đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ, khuyến khích áp dụng quy định này.*

Chương III

QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC

Điều 10. Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*
 - a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa *thủy lợi* lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày *nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng*.
 - b) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác mà chưa kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - c) Đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân khai thác phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.
2. Tờ khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
3. Trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*.
Ủy ban nhân dân cấp *xã* tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* nhỏ trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và *Môi trường*.
Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn, vừa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*.

Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

1. Quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* phải tuân thủ quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Nội dung chính của quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình;

b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa nước trong mùa lũ, mùa kiệt trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp;

c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định;

d) Công tác cảnh báo khi vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ;

đ) Quy định về vận hành công trình đảm bảo xả dòng chảy tối thiểu (nếu có);

e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành;

g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành.

3. Trách nhiệm lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa *thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa* tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa nước, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai; *đối với hồ nhỏ, Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai.*

b) *Đối với hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải tổ chức lập và công bố công khai quy trình vận hành.*

c) Định kỳ 5 năm tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành. Nếu quy trình vận hành còn phù hợp thì báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục sử dụng quy trình vận hành đã có. Nếu quy trình vận hành không còn phù hợp thì điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d) Trường hợp chưa đến 5 năm nhưng quy trình vận hành hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa không còn phù hợp, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Đối với hồ chứa nhỏ, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành theo định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp để điều chỉnh (nếu cần thiết) và công bố công khai theo thẩm quyền.

e) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán, lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành trước khi phê duyệt để tổ chức thực hiện.

4. Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy lợi tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa theo thời gian thực trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

1. Hồ sơ trình thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành;
- b) Dự thảo quy trình vận hành;
- c) Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;
- d) Bản đồ hiện trạng công trình hoặc sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác.
- đ) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- e) Báo cáo thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi (nếu có);
- g) Các tài liệu liên quan khác kèm theo.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa

a) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan phê duyệt quy trình vận hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước.

4. Cơ quan thẩm định lấy ý kiến về dự thảo quy trình vận hành theo quy định sau:

a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*, cơ quan thẩm định lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia; trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia;

5. Nội dung thẩm định

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải lập quy trình vận hành hồ chứa nước và hồ sơ trình thẩm định;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng trong tính toán, kết quả tính toán các trường hợp vận hành;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của dự thảo quy trình vận hành.

6. Trình tự thẩm định

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

7. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước

a) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố công khai hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trừ hồ chứa được quy định tại điểm a khoản này và khoản 8 Điều này.

8. Đối với hồ chứa nước nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải *tổ chức* lập quy trình vận hành và công bố công khai.

9. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước

a) Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành;

b) Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* thực hiện theo quy định tại Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này.

10. Quy trình vận hành được phê duyệt, công bố công khai theo quy định sau:

a) Công bố trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan thẩm định, chủ quản lý và tổ chức, cá nhân khai thác đối với hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn, vừa;

b) Công khai quy trình vận hành tại trụ sở tổ chức khai thác, công trình đầu mối và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với hồ chứa *thủy lợi* nhỏ.

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

2. Hoạt động vận hành hồ chứa *thủy lợi* phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước ghi chép vào nhật ký vận hành *dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu đập quyết định, trong đó phải ghi chép thông số, chỉ tiêu quan trắc để giám sát gồm: Mục nước hồ; lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có); lưu lượng khai thác cho các mục đích; lưu lượng xả qua tràn; chất lượng nước trong quá trình khai thác (nếu có).*

3. Định kỳ 5 năm, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

a) Chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* thuộc phạm vi quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

c) Trưởng Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và

Trưởng *Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia* trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của tổ chức khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* do bộ quản lý; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* do bộ quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng *Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia* trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ;

đ) Trưởng *Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia* có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương; *báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá thẩm quyền.*

Điều 14. Quan trắc công trình đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa *thủy lợi* theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Quan trắc đập, hồ chứa *thủy lợi* và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình;

b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;

c) Báo cáo chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa nước kết quả quan trắc.

Điều 15. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa *thủy lợi*.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải thu thập thông tin, *tổ chức thực hiện* dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan *hoặc thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng nhằm hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước.*

3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

a) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả;

b) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả;

c) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm b khoản này;

d) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn.

4) Nội dung dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có cửa van điều tiết lũ, dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả; đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ có cửa van điều tiết lũ khuyến khích áp dụng quy định này.

5. Chế độ quan trắc

a) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 1 lần một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

b) Đối với các đập, hồ chứa *thủy lợi* có tràn tự do: Quan trắc 1 lần một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

6) Chế độ dự báo

a) Trong mùa lũ, thực hiện dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

b) Trường hợp xuất hiện lũ, thực hiện dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới và thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ.

7. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau:

a) Đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*; cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, khí tượng thủy văn, ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp nơi có đập, hồ chứa *thủy lợi*, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý của bộ; Cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Đập, hồ chứa *thủy lợi* vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có đập, hồ chứa *thủy lợi*, vùng hạ du đập.

8. Hình thức cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM), *trên trang thông tin điện tử của tổ chức được cung cấp thông tin* hoặc các hình thức khác;

b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

9. Đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác mà chưa có thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng thì phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Điều 16. Kiểm tra đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa theo quy định sau:

a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, hồ chứa;

b) Trước mùa mưa hằng năm, phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa;

c) Sau mùa mưa hằng năm, phải kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của đập, hồ chứa; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp;

d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa;

đ) Trường hợp phát hiện đập, hồ chứa có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa.

2. Nội dung báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt, lớn: Mức nước cao nhất trong hồ; dòng chảy lũ lớn nhất về hồ, thời gian xuất hiện, lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ; kết quả quan trắc đập đã được phân tích, đánh giá và xử lý số liệu; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục;

b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Mức nước cao nhất trong hồ; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục.

3. Thời gian gửi báo cáo định kỳ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

4. Trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* theo định kỳ hằng năm:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và *Môi trường* để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*;

b) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của bộ.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải báo cáo ngay Ủy ban nhân dân, *Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự* các cấp có đập, hồ chứa nước trên địa bàn và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* trước mùa mưa hằng năm

1. Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi *do Bộ quản lý*.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh, *các hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý*, trừ các đập, hồ chứa nước quy định tại khoản 1 Điều này; *đối với hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không thuộc sở hữu nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn.*

4. Việc đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* được thực hiện theo hình thức Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước. Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tư vấn về mức độ an toàn của đập, hồ chứa nước, phương án tích nước hồ chứa và giải pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước cấp bộ

a) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Thành viên hội đồng gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện thuộc bộ, địa phương có liên quan, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.

6. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* có nguy cơ mất an toàn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đập, hồ chứa nước có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.

Điều 18. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước.

2. Kiểm định định kỳ *10 năm* kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa.

3. Kiểm định đột xuất

a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa nước;

b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa *thủy lợi*;

c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất

a) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa *thủy lợi do Bộ quản lý*.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn tỉnh, *các đập, hồ chứa được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý*, trừ đập, hồ chứa quy định tại điểm a khoản này.

c) *Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không thuộc sở hữu nhà nước, Chủ sở hữu quyết định kiểm định đột xuất.*

5. Nội dung chính kiểm định an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt và lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu quan trắc đập, hồ chứa nước; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước;

b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa nước; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước.

6. Trách nhiệm kiểm định an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm *tổ chức lập đề cương, dự toán và trình chủ quản lý phê duyệt*; thực hiện kiểm định theo đề cương được phê duyệt;

b) Chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi* thẩm định đề cương, dự toán, kết quả kiểm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* phê duyệt; gửi kết quả kiểm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*.

Điều 19. Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc sở hữu nhà nước

1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Đề cương, dự toán kiểm định (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả kiểm định (trường hợp trình phê duyệt kết quả kiểm định);

c) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt

a) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, các hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm c khoản này;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt.

3. Nội dung thẩm định

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề cương, dự toán, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ kết quả kiểm định, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem

xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

Điều 20. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa thủy lợi và hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập

1. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan; từng bước hiện đại hóa hướng tới vận hành hồ chứa theo thời gian thực.

2. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du trước mùa mưa hằng năm trong các trường hợp sau:

- a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn;*
- b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành;*
- c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở bờ hồ, lòng hồ chứa nước bị bồi lấp.*

3. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ đang khai thác mà chưa có hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì phải lắp đặt bổ sung.

4. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi lớn có tràn tự do đang khai thác mà chưa có thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì phải lắp đặt bổ sung.

5. Khuyến khích lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập đối với đập, hồ chứa thủy lợi vừa, nhỏ có tràn tự do.

6. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác chưa có quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi có ý kiến bằng văn bản của chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi.

Điều 21. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi.

2. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố và phải tuân thủ quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan.

Điều 22. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi phải có giấy phép

1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi phải có phép thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi.

2. Việc thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại nghị định hướng dẫn Luật Thủy lợi có liên quan.

Điều 23. Bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi.

2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi* bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình; chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước (*nếu có*);
- b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước;
- c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;
- d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;
- đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ;
- e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;
- g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước;
- h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;
- i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;
- k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. *Nội dung phương án của đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thực hiện theo khoản 2 Điều này và các nội dung sau:*

- a) *Bố trí lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình; tổ chức canh gác bảo vệ tại các vị trí đập, tràn xả lũ và các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối hồ chứa;*
- b) *Trang bị phương tiện tuần tra; trang thiết bị công cụ hỗ trợ công tác bảo vệ cho lực lượng tham gia công tác bảo vệ công trình được đăng ký sử dụng và sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;*
- c) *Phương án xử lý một số tình huống sự cố công trình, tình huống có tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thủy lợi, bảo vệ an ninh trật tự tại công trình.*

4. *Thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi*

a) *Hồ sơ trình thẩm định*

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

- *Tờ trình đề nghị phê duyệt;*
 - *Dự thảo phương án bảo vệ;*
 - *Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có);*
 - *Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).*
- b) *Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt*

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã (do UBND cấp tỉnh phân cấp).

c) Nội dung thẩm định

- Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ;

- Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng;

- Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án.

d) Trình tự, thủ tục thẩm định

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

5. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ chưa được cấm, phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình.

6. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước. Kinh phí cấm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

b) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác mà chưa được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ hoặc phạm vi bảo vệ không còn phù hợp thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ. Kinh phí cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác.

7. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước do bộ quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, các hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm d khoản này và khoản 6 Điều này.

d) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không thuộc sở hữu nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án bảo vệ sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cùng cấp có liên quan.

8. Việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

9. Trường hợp phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi sau 5 năm thực hiện còn phù hợp, không có nội dung điều chỉnh, bổ sung thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm báo cáo cơ quan thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi cho phép tiếp tục được sử dụng phương án. Cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định việc cho phép tiếp tục sử dụng phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi đã được phê duyệt hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi điều chỉnh, bổ sung để trình, phê duyệt theo quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này.

Điều 24. Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện

1. Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới

- a) Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên;
- b) Đập có chiều cao từ 15 m trở lên.

2. Xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới

Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập và cơ quan, đơn vị liên quan để xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập.

3. Nội dung phương án cấm mốc chỉ giới

- a) Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định này;
- b) Xác định vị trí cấm mốc;
- c) Quy cách mốc;
- d) Quản lý mốc.

4. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới

a) Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng đập. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị phê duyệt và phương án cấm mốc chỉ giới;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định;

c) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày

làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt. Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới;

d) Đối với đập có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn một xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập phê duyệt.

5. Tổ chức cấm mốc chỉ giới và quản lý mốc chỉ giới

a) Ngay sau khi phương án cấm mốc chỉ giới được phê duyệt, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập để tổ chức cấm mốc chỉ giới theo phương án được duyệt;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc cấm mốc, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập quản lý;

c) *Hàng năm Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc chỉ giới tiến hành kiểm tra mốc hành lang bảo vệ đập, hồ chứa được giao quản lý.* Trường hợp mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng phải thông báo cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện biết để thay thế.

Điều 25. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi

1. *Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi.*

2. Nội dung chính của phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi

a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; *tại các khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức khảo sát, tính toán để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;*

c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó ở công trình đầu mối;

d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;

đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du đập;

g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hàng năm hoặc khi bản đồ ngập lụt được điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi.

Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi

1. Hồ sơ thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện *hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến* đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- đ) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

- a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định;
- b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án;
- c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án.

3. Trình tự thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi *khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt*;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ

phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa thủy lợi và vùng hạ du đập trên địa bàn; trường hợp đập, hồ chứa thủy lợi thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh vận hành hồ chứa có trách nhiệm chủ trì phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Điều 27. Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập

1. Bản đồ ngập lụt là bản đồ thể hiện phạm vi và mức độ ngập của vùng hạ du đập khi hồ xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.

2. Căn cứ xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập

a) Đối với hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và lớn, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành;

b) Đối với hồ chứa nước vừa và nhỏ, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành hoặc trên cơ sở điều tra thực địa.

3. Trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập.

a) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập, chủ sở hữu đập tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập;

b) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và vùng hạ du đó thuộc địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

c) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và vùng hạ du đó thuộc địa bàn 02 tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà diện tích chiếm đất của vùng hạ du đập lớn nhất chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập sau khi lấy ý kiến các bộ có liên quan và lấy ý kiến thống nhất của UBND cấp tỉnh có liên quan và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền huy động việc đóng góp kinh phí của các chủ đập theo tỷ lệ phần trăm dung tích hồ chứa cho việc xây dựng bản đồ ngập lụt.

4. UBND cấp tỉnh, chủ sở hữu giao cơ quan đơn vị trực thuộc tổ chức xây dựng đề cương, dự toán, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập; giao cơ quan trực thuộc thẩm định hoặc thành lập hội đồng thẩm định để phê duyệt và tổ chức thực hiện. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt, đề cương, dự toán (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật, bản đồ ngập lụt (trường hợp trình phê duyệt kết quả kiểm định), các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

5. Định kỳ 05 năm hoặc nội dung không còn phù hợp, cơ quan đơn vị được giao xây dựng có trách nhiệm rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt.

Điều 28. Cứu hộ đập, hồ chứa nước

1. Trường hợp xảy ra sự cố có nguy cơ gây mất an toàn đập, hồ chứa nước, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi và chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện phải triển khai cứu hộ khẩn cấp, xử lý khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân, *Ban chỉ huy phòng thủ dân sự* các cấp, *Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia* để ứng cứu, hỗ trợ và kịp thời triển khai kế hoạch ứng phó.

2. Ủy ban nhân dân, *Ban chỉ huy phòng thủ dân sự* các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc cứu hộ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, tham gia cứu hộ đập, hồ chứa nước cho địa phương khác theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, ngập lụt do sự cố đập gây thiệt hại cho vùng hạ du đập trên địa bàn. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với *Ban chỉ huy phòng thủ dân sự* cấp trên hoặc *Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia* hỗ trợ, xử lý.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện cứu hộ đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.

4. *Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia* quyết định hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp cứu hộ đập, hồ chứa nước, ứng phó đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

5. *Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia* chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố vỡ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

Điều 29. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi. Cơ sở dữ liệu của mỗi đập, hồ chứa theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu của chủ quản lý, chủ sở hữu.

3. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành.

4. Các thành phần cơ bản của hệ thống:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ;

b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình bao gồm các trường thông tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình; mực nước hồ, mực nước hạ lưu, dung tích

hồ; lưu lượng đến, lưu lượng ra khỏi hồ (xả tràn, xả phát điện, xả dòng chảy tối thiểu,...).

c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu.

5. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin đập, hồ chứa thủy lợi; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu.

Điều 30. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

1. Kinh phí thực hiện các nội dung quản lý an toàn đập, hồ chứa nước từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau:

a) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác.

b) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của địa phương được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công.

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa nước thủy lợi liên quan đến 02 tỉnh trở lên và đập, hồ chứa nước thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.

3. Đối với đập, hồ chứa thủy điện và các đập, hồ chứa thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì chủ sở hữu có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm của các bộ và cơ quan ngang bộ

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

b) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi;

d) Tổ chức thực hiện việc kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước; lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước; lập, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước; lắp đặt và quan trắc đập, hồ chứa nước; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; bảo trì, lập quy trình bảo trì công trình; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; lập và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến hai tỉnh trở lên;

đ) Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; *tổ chức điều tra cơ bản về đập, hồ chứa thủy lợi; tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý và đập, hồ chứa thủy lợi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho UBND các tỉnh quản lý.*

e) Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; củng cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

g) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

h) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

i) Hướng dẫn kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi;

k) Tổng hợp kế hoạch dự toán kinh phí bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* gửi Bộ Tài chính;

1) Chủ trì tổng hợp, đề xuất hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

b) Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện;

c) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

d) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

đ) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối, bố trí kinh phí chi đầu tư công trung hạn 05 năm, hằng năm xử lý đập, hồ chứa thủy lợi xung yếu, cấp bách và thực hiện nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương; kinh phí cứu hộ và xử lý khắc phục sự cố đập, hồ chứa thủy lợi; kinh phí thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm về an toàn của đập, hồ chứa nước trên địa bàn.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn.

4. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý.

5. Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

6. Cung cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn.

7. Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.

Điều 33: Quy định chuyển tiếp

1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa nước

Quy trình vận hành hồ chứa nước được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi phê duyệt lại.

2. Đối với kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

Dự thảo đề cương, dự toán và kết quả kiểm định định kỳ an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....

2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà